

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN THẠNH
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19-7-2024

“V/v tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THẠNH, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Quân

Ông Nguyễn Văn Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hiếu Ly – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

Ngày 19 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 117/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2024, về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị Cẩm H, sinh năm 1983

Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1980

Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

Bà Ngô Thị Cẩm H có mặt, ông Nguyễn Văn N vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Ngô Thị Cẩm H trình bày:* Bà H và ông N chung sống với nhau từ năm 2009, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 09-12-2009. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có với nhau 02 con chung Nguyễn Ngô Tuấn K, sinh ngày 21-12-2010 và Nguyễn Ngô Thảo T, sinh ngày 12-11-2014. Đến khoảng năm 2021, vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn vì vợ chồng không còn hợp nhau, không cùng quan điểm sống, hay cãi nhau. Do mâu thuẫn trầm trọng nên vợ chồng đã ly thân hơn 01 năm nay,

hiện tại tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ được nên bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về hôn nhân: Bà H yêu cầu được ly hôn với ông N.

Về con chung: Hiện tại các con chung đang sống cùng ông N. Khi ly hôn, bà H đồng ý theo nguyện vọng của con chung, đồng ý giao cho ông N tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- *Ý kiến của bị đơn ông Nguyễn Văn N:* Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn N vắng mặt và không nộp văn bản thể hiện ý kiến cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Bà Ngô Thị Cẩm H và ông Nguyễn Văn N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 09-12-2009 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Ngô Thị Cẩm H và ông Nguyễn Văn N là hợp pháp.

Nguyên đơn bà Ngô Thị Cẩm H khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Văn N, địa chỉ cư trú tại thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp ly hôn” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn:

Xét thấy ông Nguyễn Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai theo quy định nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn N.

[3] Về hôn nhân:

Tại phiên tòa, bà H xác định không còn tình cảm với ông N, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài và cương quyết yêu cầu được ly hôn. Xét thấy ông N đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không nộp văn bản thể hiện ý kiến và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên có đủ căn cứ xác định ông N không quan tâm, không có thiện chí, không mong muốn giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn đoàn tụ với bà H. Như vậy căn

cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, lời trình bày của bà H về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng là có căn cứ chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa bà H và ông N đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng đoàn tụ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung:

Bà H và ông N có 02 con chung tên Nguyễn Ngô Tuấn K, sinh ngày 21-12-2010 và Nguyễn Ngô Thảo T, sinh ngày 12-11-2014, hiện tại do ông N trực tiếp nuôi dưỡng. Tại phiên tòa, bà H đồng ý theo nguyện vọng của con chung, đồng ý giao con chung cho ông N tiếp tục nuôi dưỡng.

Xét thấy ông N là người đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung, để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của con chung, tránh thay đổi môi trường sống, môi trường học tập nên cần giữ nguyên việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung như hiện tại. Căn cứ văn bản ý kiến của 02 con chung thể hiện có nguyện vọng ở với cha, ngoài ra ông N đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không nộp văn bản thể hiện ý kiến phản đối, từ chối việc tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Do đó căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cho ông N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của con chung.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Ông N không nộp văn bản thể hiện ý kiến, yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông N không nộp văn bản thể hiện ý kiến, yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Bà H trình bày không có, ông N không nộp văn bản thể hiện ý kiến, yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Nguyên đơn bà Ngô Thị Cẩm H phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Văn N không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Cẩm H đối với ông Nguyễn Văn N.

- Về hôn nhân: Cho bà Ngô Thị Cẩm H ly hôn ông Nguyễn Văn N.

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Ngô Tuấn K, sinh ngày 21-12-2010 và Nguyễn Ngô Thảo T, sinh ngày 12-11-2014 cho ông Nguyễn Văn N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2. Về án phí: Bà Ngô Thị Cẩm H có nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003671 ngày 11 tháng 6 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Ngô Thị Cẩm H có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn N có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Tân Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Tân Thạnh;
- Cơ quan đã đăng ký kết hôn;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Minh Trọng